

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
SƠN
TỔNG
HỢP HÀ
NỘI

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN SƠN
TỔNG HỢP HÀ NỘI
DN:
E=MAI@SONDAIBANG.
COM.VN,
OID.0.9.2342.19200300,
100.1.1=MST:
0100103619, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN SƠN
TỔNG HỢP HÀ NỘI,
L=HÀ NỘI, C=VN
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
location here
Date: 2022.08.11
13:15:27+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 11.2.1

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100103619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 6 năm 2020.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HANOI SYNTHETIC PAINT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: HASYNPAINTCO.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 25/6/2020, vốn điều lệ của Công ty là 120.270.860.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, hai trăm bảy mươi nghìn, tám trăm sáu mươi đồng*).

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã HSP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thiện Ái	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Ủy viên
Ông Trịnh Lê Minh	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên
Bà Phạm Thị Huyền	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Số: 236/2022/BCSX-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 và Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán viên khác kiểm toán, kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo soát xét 6 tháng năm 2021 vào ngày 26/7/2021 và Báo cáo kiểm toán năm 2021 vào ngày 18/02/2022 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

10 / C T A K
10 /

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		208.461.900.807	197.075.272.776
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	36.840.099.227	38.523.219.470
1. Tiền	111		36.840.099.227	38.523.219.470
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33.210.000.000	33.210.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	33.210.000.000	33.210.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.280.924.400	30.783.920.115
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	32.500.930.012	29.304.982.004
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	422.080.799	867.700.799
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.357.913.589	611.237.312
IV. Hàng tồn kho	140		104.130.377.180	94.557.633.191
1. Hàng tồn kho	141	5.6	104.130.377.180	94.557.633.191
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		500.000	500.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.7	500.000	500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		23.057.006.204	26.368.638.263
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.975.947.022	26.325.964.616
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	10.729.493.404	13.551.660.030
- Nguyên giá	222		95.304.529.657	100.186.012.352
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.575.036.253)	(86.634.352.322)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	12.246.453.618	12.774.304.586
- Nguyên giá	228		18.417.022.686	18.417.022.686
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.170.569.068)	(5.642.718.100)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		81.059.182	42.673.647
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	81.059.182	42.673.647
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		231.518.907.011	223.443.911.039

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		52.382.293.523	38.582.057.277
I. Nợ ngắn hạn	310		52.382.293.523	38.582.057.277
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	32.810.826.936	16.969.118.515
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	564.969.472	32.859.485
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.436.677.919	1.212.038.606
4. Phải trả người lao động	314		2.317.056.101	6.468.331.776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	5.299.544.747	5.115.977.832
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	7.706.610.255	6.955.220.058
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.246.608.093	1.828.511.005
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		179.136.613.488	184.861.853.762
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	179.136.613.488	184.861.853.762
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.270.860.000	120.270.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.270.860.000	120.270.860.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.060.000.000	14.060.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.152.628.765	37.574.964.787
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.915.579.005	1.337.915.027
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.737.545.718	11.618.113.948
- LNST chưa phân phối LK	421a		873.071.127	88.691.536
đến cuối kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.864.474.591	11.529.422.412
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		231.518.907.011	223.443.911.039
(440 = 300+400)				

Người lập

Phạm Thu Hà

Kế toán trưởng

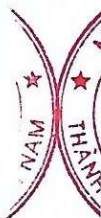
Trần Thế Giang

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ kế toán 6	Kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/6/2022	tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	210.480.138.279	214.228.068.969
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	140.591.705
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	210.480.138.279	214.087.477.264
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	185.002.432.187	188.837.480.608
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		25.477.706.092	25.249.996.656
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	844.285.826	134.033.198
7. Chi phí tài chính	22	6.4	183.566.915	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		183.566.915	-
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	8.002.243.254	5.363.348.619
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	13.226.808.828	14.922.686.729
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		4.909.372.921	5.097.994.506
11. Thu nhập khác	31	6.6	13.823.948	27.272.727
12. Chi phí khác	32	6.6	-	6.080.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		13.823.948	21.192.727
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		4.923.196.869	5.119.187.233
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.058.722.278	1.045.470.113
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.864.474.591	4.073.717.120
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	321	315

Người lập

Phạm Thu Hà

Kế toán trưởng

Trần Thế Giang

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ kế toán 6	Kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/6/2022	tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.923.196.869	5.119.187.233
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.545.659.722	3.064.297.799
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(858.109.774)	(161.305.925)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.610.746.817	8.022.179.107
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.403.866.929)	8.205.368.204
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.572.743.989)	(28.539.738.899)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12.541.674.933	10.040.664.659
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(38.385.535)	22.692.017
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.395.570.539)	(1.453.219.225)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(187.040.000)	(89.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.554.814.758	(3.791.254.137)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(100.000.000)	(355.565.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		918.181.818	30.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.088.018	134.033.198
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		838.269.836	(191.531.893)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.076.204.837)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.076.204.837)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.683.120.243)	(3.982.786.030)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	38.523.219.470	48.013.043.629
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	36.840.099.227	44.030.257.599

Người lập

Phạm Thu Hà

Kế toán trưởng

Trần Thế Giang

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn tổng hợp Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100103619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 6 năm 2020.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HANOI SYNTHETIC PAINT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: HASYNPAINTCO.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 ngày 25/6/2020, vốn điều lệ của Công ty là 120.270.860.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, hai trăm bảy mươi nghìn, tám trăm sáu mươi đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã HSP.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là: 260 người (tại ngày 31/12/2021 là: 254 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Kinh doanh sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị liên quan ngành sơn, mực in, vecni và chất phủ bề mặt;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- (Không bao gồm những ngành, nghề mà Pháp luật cấm kinh doanh và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là: Sản xuất và kinh doanh sơn...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, CÔNG TY TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 20 năm, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ của từng khoản mục chi phí.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, theo thời gian sử dụng hữu ích của công cụ dụng cụ phân bổ không quá 03 năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Trong năm chi phí lãi vay được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữ số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Ban Tổng Giám đốc của Công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính và giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sơn, chỉ phục vụ duy nhất cho hoạt động này... và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	10.442.771.937	946.022.981
Tiền gửi ngân hàng	26.397.327.290	37.577.196.489
Tổng	36.840.099.227	38.523.219.470

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2022		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	33.210.000.000	33.210.000.000	33.210.000.000	33.210.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại:</i>				
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đông Đô	11.210.000.000	11.210.000.000	11.210.000.000	11.210.000.000
Tổng	33.210.000.000	33.210.000.000	33.210.000.000	33.210.000.000

5.3 Phải thu khách hàng

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	32.500.930.012	29.304.982.004
Công Ty HONDA Việt Nam	11.036.662.220	11.042.234.270
Cty CP Nhựa và cơ khí Hải Phòng	2.776.396.623	2.756.151.123
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	2.742.880.256	2.555.092.733
Công Ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Đạt Thành Phát	2.445.169.624	2.279.717.634
Công ty TNHH Công Nghiệp Chính Xác Việt Nam 1	1.401.724.632	1.468.546.992
Các khách hàng khác	12.098.096.657	9.203.239.252
Tổng	32.500.930.012	29.304.982.004

CÔNG TY CỔ PHẦN SON TỔNG HỢP HÀ NỘI

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	422.080.799	867.700.799
CTy TNHH tư vấn Hoàng kim	124.000.000	124.000.000
Công ty TNHH LH MEDIA	110.484.000	-
Công ty CP Truyền Thông Đa Phong Cách	-	513.825.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	187.596.799	229.875.799
Tổng	422.080.799	867.700.799

5.5 Phải thu khác

	30/6/2022 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.357.913.589	-	611.237.312	-
Lãi dự thu ngân hàng	1.357.913.589	-	533.715.781	-
Các khoản phải thu khác	-	-	77.521.531	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.357.913.589	-	611.237.312	-

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	72.706.700.124	-	67.688.110.382	-
Thành phẩm	31.423.677.056	-	26.869.522.809	-
Tổng	104.130.377.180	-	94.557.633.191	-

5.7 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2022	Số được khấu trừ	Số đã khấu trừ	30/6/2022
Thuế thu nhập cá nhân	500.000	-	-	500.000
Tổng	500.000	-	-	500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2022	20.297.068.208	48.984.736.544	16.823.844.834	14.080.362.766	100.186.012.352
Tăng trong kỳ	-	100.000.000	-	-	100.000.000
Mua trong kỳ	-	100.000.000	-	-	100.000.000
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	2.382.232.695	2.599.250.000	-	4.981.482.695
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	2.382.232.695	2.599.250.000	-	4.981.482.695
Số dư tại 30/6/2022	20.297.068.208	46.702.503.849	14.224.594.834	14.080.362.766	95.304.529.657
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2022	20.117.049.358	46.839.762.326	6.958.200.115	12.719.340.523	86.634.352.322
Tăng trong kỳ	55.840.417	716.707.850	960.353.996	284.906.492	2.017.808.755
Khấu hao trong kỳ	55.840.417	716.707.850	960.353.996	284.906.492	2.017.808.755
Giảm trong kỳ	-	2.382.232.695	1.694.892.129	-	4.077.124.824
Phân loại lại	-	2.382.232.695	1.694.892.129	-	4.077.124.824
Số dư tại 30/6/2022	20.172.889.775	45.174.237.481	6.223.661.982	13.004.247.015	84.575.036.253
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2022	180.018.850	2.144.974.218	9.865.644.719	1.361.022.243	13.551.660.030
Số dư tại 30/6/2022	124.178.433	1.528.266.368	8.000.932.852	1.076.115.751	10.729.493.404

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2022 là: 71.354.947.518 đồng (tại ngày 01/01/2022 là: 64.812.710.034 đồng).

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm kế toán	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2022	17.261.158.686	1.155.864.000	18.417.022.686
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2022	17.261.158.686	1.155.864.000	18.417.022.686
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2022	5.353.488.205	289.229.896	5.642.718.101
Tăng trong kỳ	431.528.967	96.322.000	527.850.967
Khấu hao trong kỳ	431.528.967	96.322.000	527.850.967
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 30/6/2022	5.785.017.172	385.551.896	6.170.569.068
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2022	11.907.670.481	866.634.104	12.774.304.585
Số dư tại 30/6/2022	11.476.141.514	770.312.104	12.246.453.618

(*) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, giá trị 2.761.158.686 đồng. Diện tích đất bao gồm 4.914 m² sử dụng làm trụ sở làm việc, thời gian sử dụng 50 năm kể từ ngày 01/4/2002 và 141,9 m² nằm trong chi giới đường đỏ khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại theo quy định.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, giá trị 14.500.000.000 đồng. Đất khu công nghiệp diện tích 20.488 m², thời gian sử dụng 45 năm đến ngày 18/01/2057.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

5.10 Chi phí trả trước

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dài hạn	81.059.182	42.673.647
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	81.059.182	42.673.647
Tổng	81.059.182	42.673.647

5.11 Phải trả người bán

	30/6/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	32.810.826.936	32.810.826.936	16.969.118.515	16.969.118.515
Công ty TNHH FSI Việt Nam	4.523.793.020	4.523.793.020	337.260.000	337.260.000
Công ty TNHH Xăng Dầu Huyền Vinh	4.310.470.021	4.310.470.021	487.769.881	487.769.881
Công ty TNHH TM Hà Anh Phát	4.066.318.135	4.066.318.135	3.307.421.248	3.307.421.248
Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển TT hóa chất	-	-	3.142.425.000	3.142.425.000
Công ty TNHH ĐT và TM SII	1.497.949.848	1.497.949.848	2.580.624.827	2.580.624.827
Các số dư nhỏ dưới 10% tổng dư nợ phải trả	18.412.295.912	18.412.295.912	7.113.617.559	7.113.617.559
Tổng	32.810.826.936	32.810.826.936	16.969.118.515	16.969.118.515

5.12 Người mua trả tiền trước

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	564.969.472	32.859.485
Công ty TNHH Một thành viên Tân Hà 2	-	11.759.000
Doanh Nghiệp Tư Nhân Thủy Lành	132.416.615	-
Công ty TNHH Phúc Hương 789	172.486.372	-
Các khách hàng khác	260.066.485	21.100.485
Tổng	564.969.472	32.859.485

.N.
 CÔ
 TI
 TIÊN
 AI
 H7

CÔNG TY CỔ PHẦN SON TỔNG HỢP HÀ NỘI

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2022
Thuế giá trị gia tăng	253.052.857	21.253.250.989	20.742.818.856	763.484.990
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.733.120.398	1.733.120.398	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	299.103.226	299.103.226	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	949.861.926	1.109.777.719	1.395.570.539	664.069.106
Thuế thu nhập cá nhân	-	531.406.389	531.406.389	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.256.923.808	1.256.923.808	-
Các loại thuế khác	9.123.823	6.000.000	6.000.000	9.123.823
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	164.800	164.800	-
Tổng	1.212.038.606	26.189.747.329	25.965.108.016	1.436.677.919

5.14 Chi phí phải trả

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	5.299.544.747	5.115.977.832
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	2.302.114.749	2.302.114.749
Chiết khấu bán hàng và chiết khấu thanh toán	2.220.289.192	2.220.289.192
Chi phí lãi vay	337.140.805	153.573.890
Chi phí phải trả khác	440.000.001	440.000.001
Tổng	5.299.544.747	5.115.977.832

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	7.706.610.255	6.955.220.058
Kinh phí công đoàn	1.868.804.094	1.696.014.580
Phải trả khác	5.837.806.161	5.259.205.478
Tổng	7.706.610.255	6.955.220.058

010
GT
HI
TO
ETI
NC

CÔNG TY CỔ PHẦN SON TÓNG HỢP HÀ NỘI

Thôn Vãn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

5.16 Vốn chủ sở hữu*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2021	120.270.860.000	14.060.000.000	36.561.454.898	831.160.082	10.221.927.046	181.945.402.026
Tăng trong năm	-	-	1.013.509.889	506.754.945	11.529.422.412	13.049.687.246
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	11.529.422.412	11.529.422.412
Trích lập quỹ	-	-	1.013.509.889	506.754.945	-	1.520.264.834
Giảm trong năm	-	-	-	-	10.133.235.510	10.133.235.510
Chia cổ tức	-	-	-	-	8.106.215.731	8.106.215.731
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.027.019.779	2.027.019.779
Tại ngày 31/12/2021	120.270.860.000	14.060.000.000	37.574.964.787	1.337.915.027	11.618.113.948	184.861.853.762
Tại ngày 01/01/2022	120.270.860.000	14.060.000.000	37.574.964.787	1.337.915.027	11.618.113.948	184.861.853.762
Tăng trong kỳ	-	-	577.663.978	577.663.978	3.864.474.591	5.019.802.547
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	3.864.474.591	3.864.474.591
Trích lập quỹ	-	-	577.663.978	577.663.978	-	1.155.327.956
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	10.745.042.821	10.745.042.821
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	9.012.050.887	9.012.050.887
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	1.732.991.934	1.732.991.934
Tại ngày 30/6/2022	120.270.860.000	14.060.000.000	38.152.628.765	1.915.579.005	4.737.545.718	179.136.613.488

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 53/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/4/2022 về việc Thông qua các nội dung trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, các Cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

1. Chia cổ tức (8,15% vốn điều lệ): 9,8 tỷ đồng (năm trước 8,1 tỷ đồng).
2. Trích lập quỹ dự phòng bất buộc: 577 triệu đồng (năm trước 507 triệu đồng).
3. Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 577 tỷ đồng (năm trước 1,014 tỷ đồng).
4. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: 577 triệu đồng (năm trước 507 triệu đồng).

22

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

5.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**a. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Cổ đông	Cổ phần SL	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận	
				30/6/2022	01/01/2022
				VND	VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ	3.700.000	37.000.000.000	30,76%	37.000.000.000	37.000.000.000
Đầu tư HAP Việt Nam					
Các Cổ đông khác	8.327.086	83.270.860.000	69,24%	83.270.860.000	83.270.860.000
Tổng	12.027.086	120.270.860.000	100,00%	120.270.860.000	120.270.860.000

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	120.270.860.000	120.270.860.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	120.270.860.000	120.270.860.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.745.042.821	-

c. Cổ phiếu

	30/6/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.027.086	12.027.086
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.027.086	12.027.086
+ Cổ phiếu phổ thông	12.027.086	12.027.086
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.027.086	12.027.086
Cổ phiếu phổ thông	12.027.086	12.027.086

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	38.152.628.765	37.574.964.787
Tổng	38.152.628.765	37.574.964.787



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘIThôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng	210.480.138.279	214.228.068.969
Tổng	210.480.138.279	214.228.068.969
Các khoản giảm trừ	-	140.591.705
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	140.591.705
Tổng	210.480.138.279	214.087.477.264

6.2 Giá vốn hàng bán

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Giá vốn hàng bán	185.002.432.187	188.837.480.608
Tổng	185.002.432.187	188.837.480.608

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	844.285.826	134.033.198
Tổng	844.285.826	134.033.198

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí lãi huy động vốn	183.566.915	-
Tổng	183.566.915	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SON TỔNG HỢP HÀ NỘIThôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí bán hàng	8.002.243.254	5.363.348.619
Chi phí nhân viên bán hàng	2.334.990.872	2.051.766.719
Chi phí khấu hao và các chi phí khác	812.827.740	268.104.478
Chi phí mua ngoài và chi bằng tiền khác	4.854.424.642	3.043.477.422
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.226.808.828	14.922.686.729
Chi phí nhân viên quản lý	7.081.369.955	6.565.405.808
Thuế, phí, lệ phí	1.263.088.608	1.664.473.832
Chi phí mua ngoài và chi bằng tiền khác	3.087.636.889	5.584.079.504
Chi phí khấu hao và các chi phí quản lý khác	1.794.713.376	1.108.727.585
Tổng	21.229.052.082	20.286.035.348

6.6 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản	13.823.948	27.272.727
Tổng	13.823.948	27.272.727
Chi phí khác		
Chi phí khác	-	6.080.000
Tổng	-	6.080.000
Lợi nhuận khác	13.823.948	21.192.727

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	170.723.116.929	174.023.436.290
Chi phí nhân công	15.823.669.772	15.053.758.007
Chi phí khấu hao	2.545.659.722	3.064.297.799
Chi phí mua ngoài và chi bằng tiền khác	17.139.037.846	16.982.023.860
Tổng	206.231.484.269	209.123.515.956

CÔNG TY CỔ PHẦN SON TÔNG HỢP HÀ NỘIThôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.923.196.869	5.119.187.233
Điều chỉnh tăng	370.414.521	108.163.334
+ Chi phí khấu hao phần vượt nguyên giá 1,6 tỷ của TSCĐ	337.214.521	68.883.334
+ Các khoản phạt, chậm nộp thuế	-	6.080.000
+ Thu lao trả cho thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	33.200.000	33.200.000
Tổng thu nhập tính thuế	5.293.611.390	5.227.350.567
Thuế suất áp dụng hiện hành	20%	20%
Chi phí TNDN kỳ hiện hành	1.058.722.278	1.045.470.113

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.864.474.591	4.073.717.120
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(288.235.561)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.864.474.591	3.785.481.560
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	12.027.086	12.027.086
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	321	315

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 theo ½ tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty đã được phê duyệt tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên báo cáo kỳ trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.073.717.120	4.073.717.120	-
Số dư trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý (VND)	-	(288.235.561)	(288.235.561)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.073.717.120	3.785.481.560	(288.235.561)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	12.027.086	12.027.086	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	339	315	(24)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Danh sách các bên liên quan của Công ty****Bên liên quan**

Công ty TNHH Quản lý Đầu tư HAP Việt Nam

Ông Nguyễn Thiện Ái

Ông Nguyễn Ngọc Anh

Ông Nguyễn Xuân Cường

Ông Nguyễn Mạnh Đức

Ông Trịnh Lê Minh

Ông Trần Thế Giang

Ông Nguyễn Minh Đức

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Bà Phạm Thị Huyền

Và các Cổ đông, cá nhân thân cận trong gia đình của các bên liên quan.

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Chủ tịch HĐQT

Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng GD

Ủy viên HĐQT

Ủy viên HĐQT, Phó TGD

Ủy viên HĐQT

Kế toán trưởng

Trưởng BKS

Ủy viên BKS

Ủy viên BKS

7.2 Giao dịch với các bên liên quan***Thù lao, thu nhập của các nhân sự chủ chốt:***

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ kế toán 6</u>	<u>Kỳ kế toán 6</u>
		<u>tháng kết thúc</u>	<u>tháng kết thúc</u>
		<u>ngày 30/6/2022</u>	<u>ngày 30/6/2021</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thù lao Hội đồng Quản trị		834.883.660	714.624.916
Ông Nguyễn Thiện Ái	Chủ tịch HĐQT	259.635.700	225.771.500
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	280.532.200	244.859.300
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Ủy viên HĐQT	235.115.760	210.794.116
Ông Nguyễn Xuân Cường	Ủy viên HĐQT	29.800.000	16.600.000
Ông Trịnh Lê Minh	Ủy viên HĐQT	29.800.000	16.600.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		515.647.960	455.653.416
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc	280.532.200	244.859.300
Ông Nguyễn Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	235.115.760	210.794.116
Thu nhập của Kế toán trưởng, Thù lao của Ban Kiểm soát		624.267.213	572.534.145
Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng BKS	159.935.050	136.131.500
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên BKS	126.705.400	126.738.000
Bà Phạm Thị Huyền	Ủy viên BKS	123.340.963	111.510.145
Ông Trần Thế Giang	Kế toán trưởng	214.285.800	198.154.500
Cộng		1.974.798.833	1.742.812.477

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN TỔNG HỢP HÀ NỘI

Thôn Văn, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi Công ty kiểm toán khác với kết luận soát xét chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thu Hà

Trần Thế Giang

Nguyễn Ngọc Anh

